

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2023.
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và ông Trịnh X Minh.

- **T ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Khuyên - T ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST - HNGĐ ngày 13/01/2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 04/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-DS ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tân trình bày:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Ngọc S đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại tổ dân phố 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn với lý do anh S đi làm ăn trong năm năm nay không đưa tiền về cho vợ để chăm lo gia đình, bỏ bê gia đình dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc, Tổng xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa về quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, không thể tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân đã cắt đứt mọi quan hệ. Nay chị X nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị X được ly hôn với anh Phạm Ngọc S. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung

tên Phạm Thùy L, sinh ngày 27/8/2007 và Phạm Anh T, sinh ngày 19/6/2009, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi hai con. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu anh Phạm Ngọc S phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Ngọc S có ý kiến tại bản tự khai ngày 18/01/2023 trình bày: Anh S đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị X vào ngày 21/4/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại tổ dân phố 8, thị trấn H, huyện H, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 có xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ, chồng sống không hiểu nhau bất đồng trong lời nói, dẫn đến vợ chồng sống xa cách từ tháng 4/2018 cho đến nay do anh S đi làm ăn, mâu thuẫn có thể khắc phục được. Nay chị X làm đơn xin ly hôn, anh S không nhất trí ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung đề nghị Tòa án giải quyết quyền nuôi con theo ý kiến của con thì anh S đồng ý. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên đương sự không thể không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, T ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật; Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX:

Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị **Nguyễn Thị X**, đồng ý cho chị X ly hôn với anh S; Về con cái: Giao hai con cho chị X trực tiếp được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản: Các bên đương sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị X** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh **Phạm Ngọc S** có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố 8, thị trấn H huyện H, tỉnh Hà Tĩnh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Bị đơn anh **Phạm Ngọc S** đã biết được tòa án thụ lý vụ án, có mặt tại Tòa án để lấy lời khai, tòa án tiến hành hòa giải lần thứ nhất, lần thứ hai vắng mặt,

do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử. Tòa án đã triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt nên hoãn phiên tòa, đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Phiên tòa lần thứ 2 bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị X** và anh **Phạm Ngọc S** kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2006 tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị X trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 sinh mâu thuẫn. Lý do anh S đi làm ăn trong năm năm lại nay không đưa tiền về cho vợ để chăm lo gia đình và nuôi con, bỏ bê gia đình dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc. Anh S khai: Tháng 10/2017 vợ, chồng có xảy ra mâu thuẫn, do không hiểu nhau bất đồng trong lời nói, dẫn đến vợ chồng sống xa cách nhau từ tháng 4/2018, nay mâu thuẫn có thể khắc phục được và không nhất trí ly hôn. HĐXX nhận thấy: **Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thể hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, không đem lại hạnh phúc cho nhau, dẫn đến mâu thuẫn đã trầm trọng vợ chồng thể đoàn tụ được với nhau,** không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị X làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con để con phát triển khỏe mạnh, bình Tòng. Xét thấy hai con hiện nay đang do chị X nuôi dưỡng, việc chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con là chính đáng, đảm bảo đầy đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con, phù hợp với ý kiến của hai con có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng, nên giao cho chị X trực tiếp nuôi hai con là phù hợp với thực tế cũng như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên giao con tên Phạm Thùy L, sinh ngày 27/8/2007 và Phạm Anh T, sinh ngày 19/6/2009 cho chị X nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Chị X không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị X** được ly hôn với anh **Phạm Ngọc S**.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con tên Phạm Thùy L, sinh ngày 27/8/2007 và Phạm Anh T, sinh ngày 19/6/2009 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con hai trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh **Phạm Ngọc S** được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị X** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Chị X đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007889 ngày 13/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Tiến

Trịnh X Minh

Lê Văn phú